TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HS-ST
Ngày 17-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và bà **Phạm Thị Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Sơn Tùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1995, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã A, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1940 và bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1951 (đã chết); anh chị em: có 11 người, bị cáo là con thứ mười; vợ chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18/10/2021 đến ngày 18/01/2022.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Nhật H, sinh năm 1999, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Anh chị em: có 3 người, bị cáo là con thứ ba; vợ chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06/8/2021 đến ngày 05/11/2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nhật H là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng nên vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 26/7/2021, H đã liên lạc với Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 ngụ tại Ấp 1, xã A, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai qua số điện thoại "0328.557.729" để 01 gói ma túy đá với giá 200.000đồng thì được L đồng ý và hẹn giao ma túy tại vựa trái cây Rồng Hoa Thái thuộc ấp 1, xã Phú An, còn tiền mua ma túy sẽ được chuyển vào tài khoản số 5909205145776 đứng tên Nguyễn Văn L. Sau khi H chuyển tiền vào tài khoản trên thì điều khiển xe mô tô đến địa điểm hẹn để nhận 01 gói ma túy từ L rồi điều khiển xe về nhà và cất giấu ma túy vào ốp sau lưng điện thoại. Đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 27/7/2021, H đi bộ ra bãi đỗ xe ô tô phía sau chốt kiểm soát dịch Covid-19 của xã Phú An để lấy xe, Công an xã Phú An thấy H có biểu hiện nghi ngờ nên tiến hành kiểm tra và phát hiện có tàng trữ 01 gói nghi là ma túy, công an lập biên bản bắt giữ người cùng tang vật.

Tang vật bị thu giữ gồm: 01 (một) gói nilong bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy ký hiệu (M); 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen; số tiền 18.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1589/KLGĐ-PC09 ngày 31/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu (M) gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 0,1349gam loại Methamphetamine.

Trên cơ sở lời khai của Lê Nhật H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú tiến hành triệu tập Nguyễn Văn L để làm việc, nhưng L không có mặt tại địa phương đến ngày 17/10/2021, Nguyễn Văn L đã đến Công an huyện Tân Phú đầu thú và khai nhận toàn bộ việc mua bán trái phép chất ma túy cho Lê Nhật H, thu L từ việc bán ma túy cho H số tiền 200.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKSTP-ĐN ngày 10/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố bị cáo Lê Nhật H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Nhật H; Nguyễn Văn L theo như Cáo trạng. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê

Nhật H mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong tại phong bì số 1589/KLGĐ-PC09 ngày 31/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu phát mãi 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen là công cụ phạm tội; Tịch thu sung vào ngân ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đồng thu L bất chính từ việc bán ma túy.

Số tiền 18.000đồng là tài sản hợp pháp của H không liên quan đến việc phạm tội, nên đã trả lại cho H là phù hợp.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo H, L thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về hoà nhập với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo L, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định: H là người nghiện ma túy và biết L có ma túy để bán nên đã liên lạc với Nguyễn Văn L để mua 01 gói ma túy cất dấu để sử dụng.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ căn cứ để khẳng định, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251; Hành vi của bị cáo Lê Nhật H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 134/CT-VKSTP-ĐN ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Tân Phú và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Vì vậy, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Bản thân các bị cáo cũng nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý mua bán, tàng trữ trái phép. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Trước và sau khi phạm tội các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và tài sản riêng do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh khó khăn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 bộ luật hình sự; Bị cáo L đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Số lượng ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen là công cụ phương tiện phạm tội; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000đồng là tiền thu L bất chính.

Đối với số tiền 18.000đồng không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú đã trao trả cho H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Đối với đề nghị về mức hình phạt của các bị cáo là quá nghiêm khắc nên phù hợp với một phần quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với Lê Nhật H.

- Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với Nguyễn Văn L.

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Nhật H** phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Nhật H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm được phong ký hiệu số 1589/KLGĐ-PC09 ngày 31/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai bên trong chứa mẫu vật (ma túy) còn lại sau giám định;

Tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước số 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen.

(Vật chứng nêu trên hiện được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/11/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân huyện Tân Phú).

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đồng là tiền thu L bất chính (Theo biên lai thu số 0000006 ngày 10/11/2021, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.)

3. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc Lê Nhật H, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an nhân dân huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thịnh